

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Tên dự toán: Quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bắc Gia Nghĩa từ tháng 5-12 năm 2026.

Tên gói thầu: Dịch vụ công ích.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 8 tháng

Loại hợp đồng: Trọn gói.

2. Mục tiêu công việc:

Mục tiêu chung:

- Tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục và hiệu quả công tác quét dọn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bắc Gia Nghĩa; đảm bảo vệ sinh môi trường và đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường.

Mục tiêu cụ thể:

- Đảm bảo rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển kịp thời, đúng quy định.
- Hạn chế ô nhiễm môi trường, ngăn ngừa phát sinh dịch bệnh, góp phần bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân trên địa bàn.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương.
- Góp phần xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp.
- Nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, cải thiện môi trường sống ngày càng bền vững, hạn chế việc gây ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt gây ra trên địa bàn.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Nhiệm vụ của gói thầu:

a. Công tác quét, gom rác đường phố, hè phố bằng thủ công. Đô thị loại III-V

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ.
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).
- Thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè.
- Hốt xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa.
- Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dụng.
- Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

b. Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển dụng cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông.

- Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m.
- Vun gọn thành đồng, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luôn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.
- Dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

c. Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn (Cụ li vận chuyển $30 < L \leq 35$) (TG.2.5)

Thành phần công việc:

- Kiểm tra phương tiện, nhiên liệu và tiếp nhận lộ trình thu gom.
- Di chuyển xe dọc các tuyến phố, điểm tập kết rác của hộ gia đình/cá nhân.
- Vận hành hệ thống cuốn ép để đưa rác từ thùng/điểm tập kết vào bồn chứa của xe.

- Quét dọn sạch sẽ rác rơi vãi xung quanh điểm thu gom sau khi xe bốc hàng.
- Vận chuyển rác đến cơ sở xử lý hoặc bãi chôn lấp (trong cự ly $30\text{km} < L \leq 35\text{km}$).
- Cân kiểm tra khối lượng, đổ rác đúng nơi quy định và vệ sinh xe cuối ca.

d. Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn (Cụ li vận chuyển $30 < L \leq 35$) (VC.1.12)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu rác.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Khi rác được xúc đầy lên xe, vun gọn rác trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe về bãi đổ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đổ vào ô chôn lấp.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

3.2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ và công việc thực hiện:

- a. Công tác quét, gom rác đường phố, hè phố, dải phân cách bằng thủ công:
- Độ sạch: Bề mặt đường và vỉa hè trong phạm vi phân công phải sạch rác, không còn các loại túi nilon, phế thải phát sinh trong ca.
 - Quy trình thu gom: Không được quét rác xuống miệng hố ga hoặc các rãnh thoát nước; rác thu gom phải được chứa kín trong xe đầy, không để rơi vãi ngược lại đường phố;
 - Thời gian thực hiện: Phải hoàn thành trong khung giờ quy định tránh cản trở giao thông và đảm bảo mỹ quan đầu ngày.
 - An toàn lao động: Công nhân phải trang bị đầy đủ bảo hộ (áo phản quang, găng tay, khẩu trang) và có biển báo/xe đầy có tín hiệu cảnh báo khi làm việc dưới lòng đường.

b. Thu gom cơ giới chất thải từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn với cự ly bình quân $30\text{km} < L \leq 35\text{km}$ (TG.2.5):

- Vận chuyển: Xe cuốn ép rác phải có nắp đậy kín, hệ thống thu hồi nước rỉ rác phải hoạt động tốt, tuyệt đối không để rò rỉ nước thải hoặc rơi vãi rác ra đường trong quá trình di chuyển (đặc biệt với cự ly dài 30-35km).

- Tỷ lệ thu gom: Phải thu gom triệt để 100% lượng rác tại các điểm đăng ký trong lộ trình.

- Tình trạng phương tiện: Xe phải được vệ sinh sạch sẽ sau mỗi ca làm việc, không để lại mùi hôi thối tại điểm tập kết hoặc trên hành trình vận chuyển.

- Lộ trình và thời gian: Phải tuân thủ đúng lộ trình di chuyển và thời gian tiếp nhận tại bãi xử lý để tránh ùn ứ rác tại các điểm trung chuyển. Không để ứ đọng rác qua ngày gây ô nhiễm môi trường khu dân cư.

- Tải trọng: Chở đúng tải trọng quy định của xe.

- Vệ sinh phương tiện: Sau khi đổ rác xong, thực hiện vệ sinh sơ bộ xe để tránh mùi hôi và ô nhiễm khi di chuyển về bãi đổ hoặc đi lượt tiếp theo.

- Ghi chép hồ sơ: Ghi nhận khối lượng (tấn rác), số chuyến, cự ly và thời gian thực hiện vào nhật ký công tác.

- Bãi rác: Cự ly vận chuyển tính từ bãi rác thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa tỉnh Lâm Đồng tới UBND phường 35km.

d. Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn (Cự ly vận chuyển $30 < L \leq 35$) (VC.1.12)

- Vận chuyển: Xe cuốn ép rác phải có nắp đậy kín, hệ thống thu hồi nước rỉ rác phải hoạt động tốt, tuyệt đối không để rò rỉ nước thải hoặc rơi vãi rác ra đường trong quá trình di chuyển (đặc biệt với cự ly dài 30-35km).

- Tiếp nhận rác: Phối hợp với công nhân thu gom để đưa rác vào thùng ép, thực hiện quy trình cuốn ép rác để tối ưu tải trọng (trong phạm vi tải trọng từ > 5 tấn đến ≤ 10 tấn).

- Tình trạng phương tiện: Xe phải được vệ sinh sạch sẽ sau mỗi ca làm việc, không để lại mùi hôi thối tại điểm tập kết hoặc trên hành trình vận chuyển.

- Lộ trình và thời gian: Phải tuân thủ đúng lộ trình di chuyển và thời gian tiếp nhận tại bãi xử lý để tránh ùn ứ rác tại các điểm trung chuyển. Không để ứ đọng rác qua ngày gây ô nhiễm môi trường khu dân cư.

- Tải trọng: Chở đúng tải trọng quy định của xe.

- Vệ sinh phương tiện: Sau khi đổ rác xong, thực hiện vệ sinh sơ bộ xe để tránh mùi hôi và ô nhiễm khi di chuyển về bãi đổ hoặc đi lượt tiếp theo.

- Ghi chép hồ sơ: Ghi nhận khối lượng (tấn rác), số chuyến, cự ly và thời gian thực hiện vào nhật ký công tác.

- Bãi rác: Cự ly vận chuyển tính từ bãi rác thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa tỉnh Lâm Đồng tới UBND phường 35km.

3.3. Yêu cầu đối với thiết bị thực hiện gói thầu:

- Các loại phương tiện cơ giới đưa vào phục vụ gói thầu phải có đăng ký, đăng kiểm còn niên hạn sử dụng. Không sử dụng các loại thiết bị không được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.

- Chuẩn bị đầy đủ số lượng xe gom rác đẩy tay để đáp ứng khối lượng thực hiện. Các xe gom rác đẩy tay, vận chuyển rác đảm bảo kín khít, hạn chế nước rác rỉ ra môi trường. Khi nước rác bị rò rỉ, gây ảnh hưởng đến môi trường phải có phương án, biện pháp khắc phục đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tất cả các xe cơ giới chuyên dụng phải được lắp đặt camera hành trình

3.4. Yêu cầu về nhân sự huy động cho gói thầu

- Số lượng nhân công: Nhà thầu tự đề xuất để đảm bảo thực hiện cung ứng dịch vụ xuyên suốt quá trình thực hiện gói thầu.

- Trong trường hợp phát sinh công việc hoặc chủ đầu tư phát hiện nhà thầu thực hiện không đảm bảo chất lượng, tiến độ chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu huy động thêm nhân công, nhà thầu phải cam kết huy động đúng theo yêu cầu.

3.5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

- Đối với nhân viên thu gom rác: phải được tập huấn về nhận diện chất thải nguy hại và kỹ năng xử lý tình huống hỏa hoạn.

- Đối với xe thu gom rác: cần trang bị bình chữa cháy cầm tay còn hạn sử dụng và huấn luyện nhân viên kỹ năng chữa cháy tại chỗ.

- Đối với phương tiện chuyên dùng: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển; đảm bảo hệ thống điện an toàn và không bị rò rỉ nhiên liệu.

- Quá trình thu gom rác: Sắp xếp chất thải trên xe gọn gàng, có bạt che phủ (đặc biệt với rác thải khô, dễ bén lửa). Sử dụng thiết bị chuyên dụng, không nén quá tải.

3.6. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong suốt quá trình thực hiện gói thầu.

- Có biện pháp về an toàn lao động đảm bảo yêu cầu, cụ thể:

- + Đối với công nhân trên công trường phải có trang bị bảo hộ lao động. Cán bộ công nhân trên công trường phải được tập huấn an toàn lao động.

- + Đối với máy móc thiết bị thi công phải có biện pháp bảo đảm an toàn máy móc, thiết bị...

- Xử lý tai nạn lao động: Trong thời gian thực hiện gói thầu nếu xảy ra tai nạn hoặc thương vong nhà thầu phải báo cáo ngay cho nhà chức trách địa phương, Chủ đầu tư, và lập bản báo cáo trong vòng 24 giờ sau khi xảy ra sự việc cho Chủ đầu tư. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3.7. Yêu cầu về thu phí vệ sinh thu gom rác thải sinh hoạt:

Nguồn thu phí dịch vụ từ hộ dân: 320.000.000 đồng (Tạm tính thu trên địa bàn 40.000.000 đồng/tháng)

- Nhà thầu có trách nhiệm thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường của các hộ dân, cơ quan, tổ chức trong phạm vi địa bàn thực hiện gói thầu theo đúng quy định hiện hành.

- Chi phí để phục vụ cho việc thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường là chi phí do nhà thầu tự chi trả. Nhà thầu chủ động phân bổ, tính toán chi phí thực hiện trong đơn giá dự thầu.

- Khi thực hiện việc thu giá dịch vụ nhà thầu cần cung cấp đầy đủ hồ sơ minh chứng bao gồm: các tài liệu, hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí phục vụ công tác thu giá dịch vụ để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán.

3.8. Yêu cầu khác:

- Nhà thầu phải cử người có đủ năng lực và kinh nghiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, quản lý và điều hành thực hiện việc cung cấp sản phẩm dịch vụ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kỹ thuật và giải pháp tổ chức thực hiện của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật quy định và chỉ dẫn của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động: có trách nhiệm, phổ biến các quy định về an toàn lao động, các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

- Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm: Theo quy định hiện hành.

6. Phụ lục diễn giải khối lượng:

- Phụ lục 01: Bảng diễn giải khối lượng các tuyến đường thực hiện công tác quét đường trên địa bàn phường Bắc Gia Nghĩa

Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Chiều dài tuyến (m)	Số lần thực hiện (lần/tháng)	Chiều rộng làn quét 2m theo Quyết định số 592/QĐ-BXD	Diện tích quét dọn vệ sinh rác lòng đường (10.000m ² /tháng)	Diện tích quét dọn vệ sinh rác lòng đường (10.000m ² /8tháng)	Ghi chú
MT1.02.14	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công. Quét đường. Đô thị loại III-V						
1	Đường 23 tháng 3	3.800	30	1	22,80	182,4	
2	Đường Nguyễn Khuyến	240	15	1	0,72	5,8	
3	Đường Lý Thái Tổ	400	15	1	1,20	9,6	
4	Đường Ama Jhao	300	15	1	0,90	7,2	
5	Đường Cao Thắng	400	15	1	1,20	9,6	
6	Đường Trần Cao Vân	450	15	1	1,35	10,8	
7	Đường Nơ Trang Long	1.450	15	1	4,35	34,8	
8	Đường Trần Phú	1.000	15	1	3,00	24,0	
9	Đường Nguyễn Lương Bằng	500	15	1	1,50	12,0	
10	Đường 19 tháng 5	1.000	15	1	3,00	24,0	
11	Đường Đào Duy Anh	550	15	1	1,65	13,2	
12	Đường Cao Lỗ	550	15	1	1,65	13,2	
13	Đường Huỳnh Thúc Kháng	530	30	1	3,18	25,4	
14	Đường Mạc Thị Bưởi	920	15	1	2,76	22,1	

15	Đường Đào Duy Từ	490	15	1	1,47	11,8	
16	Đường Võ Thị Sáu	700	15	1	2,10	16,8	
17	Đường Hai Bà Trưng	1.150	30	1	6,90	55,2	
18	Đường Tôn Đức Thắng (36M)	2.400	30	1	14,40	115,2	
19	Đường Trương Định	380	30	1	2,28	18,2	
20	Đường Bà Triệu	220	30	1	1,32	10,6	
21	Đường Nguyễn Tri Phương	440	30	1	2,64	21,1	
22	Đường Tống Duy Tân	1.000	15	1	3,00	24,0	
23	Đường Ngô Mây	550	15	1	1,65	13,2	
24	Đường Nguyễn Viết Xuân	650	15	1	1,95	15,6	
25	Đường Chu Văn An	600	30	1	3,60	28,8	
26	Đường Lý Tự Trọng	380	15	1	1,14	9,1	
27	Đường Lý Thường Kiệt	400	30	1	2,40	19,2	
28	Đường Sư Vạn Hạnh	200	15	1	0,60	4,8	
	TỔNG CỘNG	21,65			94,7100	757,6800	

- Phụ lục 02: Bảng diện giải khối lượng quét vỉa hè các tuyến đường trên địa bàn phường Bắc Gia Nghĩa

STT	Tên đường	chiều dài tuyến đường (m)	chiều dài vỉa hè (m)	chiều rộng vỉa hè (m)	Số bên vỉa hè	Tổng diện tích vỉa hè (m2)	Số lượng bồn cây trên vỉa hè	Diện tích bồn cây	Tổng Diện tích cây chiếm chỗ (m2)	Số lượng trụ điện tổng trên vỉa hè của điện lực	Diện tích trụ điện tổng trên vỉa hè của điện lực	Tổng diện tích trụ điện bê tông trên vỉa hè của điện lực chiếm chỗ (m2)	Số lượng trụ điện chiếu sáng chiếm chỗ	Diện tích móng trụ điện chiếm chỗ	Tổng diện tích trụ điện chiếu sáng chiếm chỗ trên vỉa hè	Diện tích vỉa hè thực hiện trong 1 lần	Số lần thực hiện trong 1 tháng	Diện tích quét vỉa hè thực hiện trong 1 tháng (10000 m2/ lần)	Diện tích quét vỉa hè thực hiện trong 8 tháng (10000 m2/ lần)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) x (5) x (6)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14)	(15)	(16) = (14) x (15)	(17) = (7) - (10) - (13) - (16)	(18)	(19) = (17) x (18)	20=(19)x9
I	Via hè các tuyến đường																		
1	Võ Sáu	700	650	1,5	2	1.950	61,00	1,44	87,84	19	0,10	1,83	24,00	0,36	8,64	1.851,69	15	2,78	22,2
2	Hai Bà Trưng	1.150	1.050	4,5	2	9.450	97	2,25	218,25	13	0,10	1,25	52,00	0,36	18,72	9.211,78	30	27,64	221,1
3	23 tháng 3	3.800	3.400	4,0	2	27.200	669	2,25	1.505,25	110	0,10	10,58	312,00	0,36	112,32	25.571,85	30	76,72	613,7
4	Mạc Bưởi	920	900	2,0	2	3.600	100	1,96	196,00	21	0,10	2,02	32,00	0,36	11,52	3.390,46	15	5,09	40,7
5	Lý Thái Tổ	400	380	3,0	2	2.280	68	1,44	97,92	9	0,10	0,87	26,00	0,36	9,36	2.171,85	15	3,26	26,1
6	Ama Jhao	300	280	3,0	2	1.680	47	1,44	67,68	11	0,10	1,06	9,00	0,36	3,24	1.608,02	15	2,41	19,3
7	Cao Thắng	400	280	3,0	2	1.680	47	1,44	67,68	14	0,10	1,35	8,00	0,36	2,88	1.608,09	15	2,41	19,3
8	Huỳnh Thúc Kháng	530	510	3,0	2	3.060	53	1,44	76,32	22	0,10	2,12	0,00	0,36	0,00	2.981,56	30	8,94	71,6

9	Tôn Đức Thắng (36M)	2.400	2.150	3,5	2	15.050	316	2,25	711,00	79	0,10	7,60	126,00	0,36	45,36	14.286,04	30	42,86	342,9
10	Nguyễn Tri Phương	440	350	3,0	1	1.050	36	1,44	51,84	0	0,10	0,00	9,00	0,36	3,24	994,92	30	2,98	23,9
11	Tổng Duy Tân	1.000	950	3,5	2	6.650	137	1,44	197,28	37	0,10	3,56	35,00	0,36	12,60	6.436,56	15	9,65	77,2
12	Đào Duy Anh	550	200	3,5	2	1.400	51	1,44	73,44	11	0,10	1,06	11,00	0,36	3,96	1.321,54	15	1,98	15,9
13	19 tháng 5	1.000	750	3,5	2	5.250	200	1,44	288,00	20	0,10	1,92	47,00	0,36	16,92	4.943,16	15	7,41	59,3
14	Chu Văn An	600	400	3,0	2	2.400	66	1,44	95,04	20	0,10	1,92	29	0,36	10,44	2.292,60	30	6,88	55,0
15	Trần Cao Vân	450	350	3,5	2	2.450	72	1,44	103,68	0	0,10	0,00	14	0,36	5,04	2.341,28	15	3,51	28,1
16	Nơ Trang Long	1.450	240	2,5	2	1.200	60	1,44	86,40	13	0,10	1,25	0	0,00	0,00	1.112,35	15	1,67	13,3
17	Nguyễn Khuyến	240	200	2,0	2	800	30	1,44	43,20	4	0,10	0,38	9	0,36	3,24	753,18	15	1,13	9,0
II	Hoa viên các khu vực trên địa bàn thành phố																		0,0
1	Hoa viên khu vực Hồ Thiên Nga và tuyến đường đạo dưới lòng hồ															1.800,00	15	2,70	21,6
2	Hoa viên siêu thị Coop mart															800,00	15	1,20	9,6
TỔNG CỘNG						87.150			3.967			39			267	85.477		211,2200	1.689,79

- Phụ lục 03: Bảng diễn giải khối lượng các tuyến đường thực hiện công tác duy trì dải phân cách trên địa bàn phường Bắc Gia Nghĩa

STT	Tên đường	Chiều dài tuyến (m)	Chiều rộng dải phân cách (m)	Chiều dài dải phân cách (km)	Số dải phân cách	Tổng Khối lượng chiều dài dải phân cách (km)	Số lần thực hiện (lần/tháng)	Diện tích quét dọn vệ sinh giải phân cách (km ² /tháng)	Diện tích quét dọn vệ sinh giải phân cách (km ² /8 tháng)	Ghi chú
1	23 tháng 3	3.800	2,5-3	2,60	1	2,60	15	39,00	312,00	
2	Lý Thái Tổ	400	1,60	0,30	1	0,30	5	1,50	12,00	
3	Tôn Đức Thắng (36M)	2.400	8,00	1,80	1	1,80	15	27,00	216,00	
4	Nơ Trang Long	1.450	1-1,2	0,90	1	0,90	5	4,50	36,00	
TỔNG CỘNG								72,00	576,000	

- Phụ lục 04: Danh sách các tuyến đường thực hiện công tác thu gom rác thải tại thùng trên địa bàn phường Bắc Gia Nghĩa.

STT	Tên đường	Chiều dài tuyến (km)	Số lần thu gom	Ghi chú
1	Đường Trần Phú	3,60	Hàng ngày	
2	Đường Đào Duy Từ	0,49	Hàng ngày	
3	Đường Võ Thị Sáu	0,90	Hàng ngày	
4	Đường Hai Bà Trưng	1,15	Hàng ngày	
5	Đường 23 tháng 3	4,70	Hàng ngày	Mật độ dân cư đông
6	Đường Mạc Thị Bưởi	1,06	Hàng ngày	
7	Đường Phạm Ngọc Thạch	0,90	Hàng ngày	
8	Đường Nguyễn Trãi	1,48	Hàng ngày	Mật độ dân cư đông
9	Đường Nguyễn Khuyến	0,30	Hàng ngày	
10	Lý Thái Tổ	0,40	Hàng ngày	
11	Đường Ama Jhao	0,30	Hàng ngày	
12	Đường Cao Thắng	0,30	Hàng ngày	
13	Đường Huỳnh Thúc Kháng	0,53	Hàng ngày	
14	Sân VHTT-Hoa viên	0,07	Hàng ngày	
15	Đường Tôn Đức Thắng	2,40	Hàng ngày	Mật độ dân cư đông
16	Đường Trương Định	0,38	Hàng ngày	Khu vực chợ
17	Đường Bà Triệu	0,22	Hàng ngày	Khu vực chợ
18	Đường Nguyễn Tri Phương	0,44	Hàng ngày	Mật độ dân cư đông
19	Đường Tống Duy Tân	1,46	Hàng ngày	
20	Đường Ngô Mây	1,80	Hàng ngày	
21	Đường Chu Văn An	1,01	Hàng ngày	
22	Đường Lý Tự Trọng	0,90	Hàng ngày	Mật độ dân cư đông

23	Nguyễn Việt Xuân	1,10	Hàng ngày	
24	Đường N' Trang Long	0,40	Hàng ngày	
25	Các trục đường khu Tái định cư Đắc Nur A - phường Nghĩa Đức	-	3 lần / tuần	
	Tổng	26,29		